

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do-Hạnh phúc

Bản án số 102/2019/HS-ST
Ngày 17/9/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Được – Cán bộ hưu trí
2. Ông Vũ Văn Hữu – Giáo viên trường tiểu học Tân Đồng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 91/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2019/QĐXXST- HS ngày 14 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đại H**; Tên gọi khác: không; Sinh năm 1999; Hộ khẩu thường trú: ấp 4, xã Đ, huyện Đ, Bình Phước; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 08/12; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Con ông Nguyễn Anh D - Sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị H - Sinh năm 1960; Tiền sự: 01 ngày 18/10/2016 bị Tòa án nhân dân Quận 12 thành phố H quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đến ngày 10/11/2017 thì chấp hành xong; Tiền án: Không; Tạm giam từ ngày 28 tháng 3 năm 2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người bị hại:

1/ Anh Nguyễn Nhật N; sinh năm 1995; Trú tại: ấp 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (Có, sdt 0392 154801)

2/ Anh Triệu Hồng H, sinh năm 2003; Trú tại: Đội 3, ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (có)

Người đại diện hợp pháp của Triệu Hồng H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Triệu Văn S, sinh năm 1981; trú tại: Đội 3, ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (có, sdt 0978180345)

Những người có quyền nghĩa vụ liên quan:

1/ anh Phạm Văn N, sinh năm 1992; Trú tại: ấp 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (có)

2/ ông Vũ Văn P; sinh năm 1965; Trú tại: khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (vắng)

3/ bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1979; Trú tại: ấp 1, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (vắng)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền để tiêu xài cá nhân nên trong thời gian từ ngày 29/9/2018 đến ngày 13/12/2018, Nguyễn Đại H đã 02 lần mượn xe mô tô của người khác để đi công việc sau đó nảy sinh ý định chiếm đoạt và bán xe lấy tiền tiêu xài cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 29/9/2018, Nguyễn Đại H đến phòng trọ của Nguyễn Nhật N ở xã Đ, huyện Đ chơi và được N rủ đi đến thành phố Đ cùng N thì H đồng ý. N điều khiển xe mô tô 93M1-258.76 chở H (xe Nam mượn của anh Phạm Văn N) để đi khám sức khỏe ở phòng khám T ở ngã ba H, thành phố Đ. Khi đến phòng khám N đi vào khám thì H hỏi mượn xe mô tô của Nam để đi mượn tiền thì Nam đồng ý và giao xe cho H. H điều khiển xe đi đến nhà nghỉ T ở xã Tiến H, thành phố Đ gặp Nguyễn Ngọc M (M là chị họ của H đang thuê phòng ở tại nhà nghỉ) để mượn tiền H không có. H ở lại phòng của M chơi đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì quay lại phòng khám T để đón N H không có N. Lúc này H nảy sinh ý định đem xe mượn của N đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. H điều khiển xe đến tiệm nét Đông Á trên đường H để tìm người cầm cố xe, ở đây H biết được việc N và N đang đi tìm H để lấy xe và đánh H nên H sợ và điều khiển xe quay lại nhà nghỉ T. Khi đến gặp M, M hỏi “Sao vậy” thì H nói “Em lấy trộm xe nên đang bị đuổi đánh, cho em trốn đây với” thì M nói “Cứ ở đây không sao đâu” H để xe ở nhà nghỉ và chơi cùng M đến sáng ngày 30/9/2018, M hỏi H “Xe có bán không, chị tìm chỗ bán cho” Lúc này có Đ (không rõ nhân thân lai lịch) đi đến hỏi “Xe đá hả cu” H hiểu ý Đ hỏi xe lấy trộm hả nên gật đầu, M nói với Đ “ Nó trộm xe đang bị người ta đuổi đánh, anh đem xe giấu đi” Đ nói với H bán giùm xe cho H giá 10.000.000 đồng thì H đồng ý và giao xe cho Đ. Đến chiều ngày 01/10/2018, Đ đến phòng của M đưa cho H số tiền 8.000.000 đồng và nói còn 2.000.000 đồng Đ trả sau. H nhận 8.000.000 đồng Đ đưa tiền bán xe và H cho Đ

500.000 đồng tiền công bán xe và cho M mượn 2.000.000 đồng, số còn lại H tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 16 giờ ngày 12/12/2018, sau khi ngồi uống nước tại quán cà phê “Gió” trên đường H thuộc phường T cùng Triệu Hồng H, Lương Đức L, Nông Đức L, Mai Thành T thì Nguyễn Đại H mượn H xe mô tô 93T8-4265 (xe của ông Triệu Văn S, bố của H) để đi đến tiệm nét “SKY” ở khu phố P, phường T để lấy đồ H gửi ở đó. Khi lấy đồ ở tiệm nét “SKY” xong H điều khiển xe đến tiệm nét “TRC” để chơi game, H chơi đến 18 giờ ngày 13/12/2018 thì người quản lý tiệm nét “TRC” tính tiền hết 360.000 đồng. Lúc này H không đủ tiền để trả nên nảy sinh ý định bán xe mô tô mượn của H. H hỏi những người đang chơi nét cùng trên lầu một của tiệm nét có ai mua xe không H không ai trả lời, H đi xuống lầu trệt của tiệm nét hỏi thì có một người thanh niên (không rõ lai lịch đang chơi game gần đó tiến lại gần H hỏi bán bao nhiêu. Sau khi xem xe người thanh niên này nói với H giá 1.000.000 đồng thì H đồng ý bán và giao xe cho người thanh niên này. H nhận số tiền 1.000.000 đồng từ người thanh niên và trả số tiền 360.000 đồng cho tiệm nét “TRC” số còn lại H tiêu xài hết. (bút lục số 21, 22, 68 đến 90, 97 đến 128, 144 đến 148)

Ngày 06/02/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã có yêu cầu định giá tài sản số 527 và 528 gửi Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đ yêu cầu định giá xe mô tô 93M1-258.75 và xe mô tô 93T8- 4265.

Ngày 21/2/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đ có kết luận số 31 kết luận: 01(một) xe mô tô biển số 93T8-4265, nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS-5C63, màu: đen- bạc, số khung: RLCS5C6308Y118535, số máy: 51C63-118535, xe đã qua sử dụng, còn hoạt động bình thường, có giá trên thị trường là 5.500.000 đồng/chiếc.

Ngày 27/3/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đ có kết luận số 48 kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner, biển số 93M1-258.76, số máy: KC26E1152907, số khung: RLHKC260XGY305701, đã qua sử dụng, còn hoạt động bình thường, có giá 36.500.000 đồng. (bút lục số 48 đến 54)

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị can thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đầu thú.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị can thực hiện 02 lần lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Phần dân sự: Hiện bị can chưa bồi thường cho các bị hại.

Tại bản cáo trạng số 92/CT-VKS ngày 09/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố bị cáo Nguyễn Đại H về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đại H mức án 24 đến 30 tháng tù.

Bị cáo Nguyễn Đại H khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng truy tố và không có ý kiến gì đối với lời khai của người bị hại và những người tham gia tố tụng khác được Hội đồng xét xử công bố trước phiên tòa. Bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được công bố, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người bị hại, người có quyền nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến, khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng số 92/CT-VKS ngày 09/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại, lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng, biên bản đầu thú, bản kết luận định giá tài sản cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Lợi dụng vào sự quen biết, tin tưởng của những người bị hại, ngày 29/9/2018 bị cáo đã mượn rồi chiếm đoạt của anh Nguyễn Nhật N xe mô tô hiệu Winer, biển số 93M1 – 258.79, đã qua sử dụng trị giá 36.500.000đồng; Đến ngày 12/12/2018 bị cáo lại tiếp tục mượn rồi chiếm đoạt của anh Triệu Hồng H xe mô tô hiệu Yamaha, biển số 93T8-4265, đã qua sử dụng trị giá 5.500.000đồng; Tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt là 42.000.000đồng.

Xét thấy, bản thân bị cáo đã bị Tòa án nhân dân quận 12, thành phố H áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đến ngày 10/11/2017 thì chấp hành xong; Bị cáo hiểu rõ pháp luật và nhận được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và phải chịu trách nhiệm hình sự, song chỉ để có tiền chi tiêu cá nhân mà chủ yếu là để chơi game, bị cáo đã cố ý trực tiếp hai lần lợi dụng vào sự tin tưởng của bạn là anh Nam và anh Hiếu để mượn xe rồi chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu xài. Hành vi mà bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân; làm mất trật tự trị an tại địa phương; gây hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 điều 175 và tình tiết tăng nặng là điểm g – phạm tội 02 lần trở lên – khoản 1 điều 52 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù là có cơ sở, căn cứ pháp luật nên được chấp nhận.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên đã ra đầu thú, do vậy cần áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[3] Đối với Nguyễn Ngọc M; sinh năm 1998; hộ khẩu thường trú tại: Đội 4, ấp 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước là người biết và chứa chấp bị cáo cùng xe mô tô biển số 93M1-258.76, tuy nhiên hiện M đã không còn sống tại địa phương; Cơ quan điều tra đang tiến hành xác minh, điều tra làm rõ xử lý sau nên không xem xét trong vụ án này.

Đối với người tên Đ và người thanh niên đã mua xe mô tô biển số 93T8 – 4265 hiện Cơ quan điều tra đang xác minh, làm rõ xử lý sau khi có đủ căn cứ nên không xem xét trong vụ án này.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa những người bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường trị giá tài sản đã chiếm đoạt. Bị cáo đồng ý, do vậy:

Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Nhật N, trị giá xe mô tô hiệu Winer, biển số 93M1 – 258.79, đã qua sử dụng, có trị giá là 36.500.000đồng.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Triệu Hồng H trị giá xe mô tô, hiệu Yamaha, biển số 93T8-4265 đã qua sử dụng, có trị giá là 5.500.000đồng.

Tách phần trách nhiệm dân sự giữa anh Nguyễn Nhật N và anh Phạm Văn N ra giải quyết trong vụ án khác khi anh Nguyễn có đủ các căn cứ và yêu cầu.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đại H phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng: Điểm b, Khoản 1 Điều 175; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đại H 24 (hai mươi bốn) tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày 28/3/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 của Bộ luật hình sự; Các điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự

Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Nhật N số tiền 36.500.000đồng (Ba mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng)

Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Triệu Hồng H số tiền 5.500.000đồng (Năm triệu năm trăm ngàn đồng)

Tách phần trách nhiệm dân sự giữa anh Nguyễn Nhật N và anh Phạm Văn N ra giải quyết trong vụ án khác khi anh Nguyễn có đủ các căn cứ và yêu cầu.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 2.100.000đồng (*Hai triệu một trăm ngàn đồng*) án phí dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, những người bị hại, anh N, anh S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND TP Đ;
- Chi cục THADS TP Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- CA TP Đ;
- Công an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Mỹ Dung